

Bản án số: 58/ 2020/ HS - ST
Ngày: 23 - 11 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Quang Chiêu

Ông Lưu Xuân Hiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hải, ông Nguyễn Đức Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 57 /2020/TLST- HS ngày 03 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2020/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Đàm Thị Ng, sinh ngày 26/6/1986, tại: huyện Đại Từ - tỉnh Thái Nguyên; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Đồng Chung, xã Tiên Hội, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 2/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Đàm Văn Thành và bà Nguyễn Thị Xuân; bị cáo có chồng là Nguyễn Quang Tuyền (đã chết), có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2013. Tiền sự: không; tiền án: có 01 tiền án: bản án số 62/2020/HS-ST ngày 13/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội xử phạt bị cáo Ng 36 tháng tù về tội “Môi giới mại dâm”; nhân thân: ngày 14/8/2020, bị cáo Ng bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Long Biên khởi tố về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Trong vụ án này, bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

2. Họ và tên: Nguyễn Văn T, sinh ngày 13/5/1995, tại: Long Biên – Hà Nội; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 3, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 1/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Văn Phụ và bà Hà Thị V; bị cáo có vợ là Quan Thị Hong - sinh năm 1994, có 01 con sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày

08/8/2020 cho đến nay, hiện đang giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên (Có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Đàm Thị Ng*: Bà Nguyễn Thị Thanh Ng – Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thái Nguyên (Có mặt).

- *Người bị hại*: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986; đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Chùa, xã Bá Xuyên, thành phố S; chỗ ở: Tổ dân phố C, phường B, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Anh Nguyễn Đức H, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ 16, phường S, quận L, thành phố Hà Nội (Vắng mặt)

+ Ông Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1952; địa chỉ: Tổ dân phố C, phường B, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên (Vắng mặt).

+ Bà Hà Thị V, sinh năm 1962; địa chỉ: Tổ 3, phường P, quận L, thành phố H (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đàm Thị Ng và Nguyễn Văn T trước đây đều là người nghiện chất ma túy, quen và chung sống với nhau từ năm 2019. Do không có việc làm và thu nhập ổn định, nên Ng đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản lấy tiền chi tiêu. Để thực hiện việc trộm cắp tài sản, Ng chuẩn bị 01 đoạn sắt dài khoảng 20cm một đầu hơi dẹt một đầu hình lục giác và 01 chiếc mỏ lết để trong ví của Ng, mục đích để dùng làm dụng cụ phá khóa ổ điện xe mô tô.

Đầu tháng 7/2020, Ng và T đến thuê một nhà nghỉ ở khu vực thành phố Sông Công để ở. Chiều ngày 06/7/2020, Ng bàn với T đi trộm cắp tài sản là xe mô tô, phân công T đi bộ phía trước Ng, quan sát thấy có xe mô tô để trên vỉa hè không có người quản lý thì gật đầu (ý trộm cắp được), nếu thấy có người thì lắc đầu (ý không lấy được xe), T đồng ý. Đến khoảng 15 giờ 30 cùng ngày, T và Ng đi bộ trên đường Lê Hồng Phong, trên đoạn đường thuộc xóm Chùa, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công, khi T đi đến trước cửa nhà anh Đồng Quang Thoa, phát hiện thấy trên hành lang đường trước cửa nhà anh Thoa có dựng 01 xe mô tô nhãn hiệu Sirius Yamaha, biển số 20L9-0804 (là xe của chị Nguyễn Thị Ti). Thấy không có ai, có thể trộm cắp được, nên T quay lại ra hiệu gật đầu (ý là lấy trộm được) và tiếp tục đi tiếp khoảng 100m về hướng thành phố Thái Nguyên mục đích quan sát cảnh giới cho Ng trộm cắp tài sản. Thấy T gật đầu, Ng hiểu là trộm cắp được chiếc xe mô tô trên, nên đã đi đến vị trí xe mô tô, rồi dùng thanh sắt và chiếc mỏ lết đã chuẩn bị sẵn từ trước phá khóa ổ khóa điện xe mô tô của chị Ti. Sau khi phá được ổ khóa điện, Ng nổ máy, điều khiển xe đi đến vị trí T đang đứng, rồi giao cho T điều khiển xe mô tô chở Ng đi về hướng thành phố Thái Nguyên. Khi

đi đến khu vực gần nghĩa trang Dốc Lim - thành phố Thái Nguyên, T rẽ vào đường dân sinh và đỗ xe, Ng và T phá cắp xe mô tô, phát hiện trong cắp xe có 01 chiếc túi xách, kiểm tra bên trong thấy có số tiền 5.000.000 đồng, gồm nhiều loại tiền có mệnh giá khác nhau, có thẻ nạp tiền điện thoại loại thẻ Viettel gồm: 02 thẻ loại 100.000 đồng, 03 thẻ loại 50.000 đồng, 03 thẻ loại 20.000 đồng và 01 chiếc áo mưa. T và Ng lấy tiền và số thẻ nạp điện thoại trên, rồi T tháo 02 gương xe mô tô, vứt 02 chiếc gương, chiếc túi xách, 01 chiếc áo mưa vào rìa đường. Sau đó, Ng và T điều khiển xe mô tô trộm cắp được về nhà Ng ở xóm Đồng Chung, xã Tiên Hội, huyện Đại Từ chơi, rồi tiếp tục đi về Hà Nội. Số tiền 5000.000 đồng T và Ng trộm cắp được đã chi tiêu hết, số thẻ điện thoại Ng bán được 02 chiếc loại 100.000 đồng và 01 chiếc loại 50.000 đồng được số tiền 200.000 đồng, đã chi tiêu hết, số thẻ còn lại Ng nạp vào điện thoại của mình sử dụng. Đến ngày 01/8/2020, Ng và T bán chiếc xe mô tô trộm cắp được cho anh Nguyễn Đức Hiền, trú tại tổ 16, phường Sài Đồng, quận Long Biên được 2.000.000 đồng, cả hai đã chi tiêu hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 40/ KL-HĐĐGTS ngày 06/8/2020, kết luận: chiếc xe mô tô Sirius, nhãn hiệu Yamaha BKS 20L9-0804 đã qua sử dụng có giá trị là 3.700.000 đồng.

Sau khi phát hiện bị mất xe mô tô, chị Nguyễn Thị Ti đến Cơ quan Công an trình báo. Anh Nguyễn Đức Hiền, sau khi biết được chiếc xe mô tô trên là tài sản do trộm cắp mà cô đã tự nguyện giao nộp xe lại cho Cơ quan điều tra Công an thành phố Sông Công.

Vật chứng của vụ án: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, biển số: 20L9-0804, Cơ quan điều tra Công an thành phố Sông Công đã trả lại cho người bị hại là chị Nguyễn Thị Ti quản lý, sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Trước khi bị bắt giam, bị cáo T đã nhờ mẹ đẻ là bà Hà Thị V bồi thường cho người bị hại, ngày 27/9/2020, bà V đã thỏa thuận, thay mặt bị cáo T bồi thường xong cho chị Ti số tiền 5.000.000 đồng và tại phiên tòa, bị cáo Ng cũng đã thỏa thuận, bồi thường xong cho chị Ti số tiền 1.000.000 đồng, chị Ti không có ý kiến đề nghị gì thêm. Anh Nguyễn Đức Hiền không yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền anh Hiền đã bỏ ra để mua xe mô tô của các bị cáo.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Đàm Thị Ng và Nguyễn Văn T đều khai nhận về diễn biến, nội dung sự việc diễn ra đúng như đã nêu ở phần trên. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại Nguyễn Thị Ti. Các bị cáo Ng, T và anh Hiền đều khai khi bán chiếc xe mô tô BKS 20L9-0804 cho anh Hiền, cả Ng và T đều nói là xe của Ng và Ng viết Giấy bán xe cho anh Hiền. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Đình (là bố đẻ người bị hại Ti) là người đứng tên đăng ký xe mô tô Sirius, nhãn hiệu Yamaha BKS 20L9-0804 khai, xe mô tô là của ông Đình mua và đứng tên đăng ký, sau này không còn nhu cầu sử dụng nên đã tặng chiếc xe trên cho con gái là chị Ti làm phương tiện đi lại, do quan hệ là bố - con, nên ông Đình và chị Ti không làm giấy tờ tặng cho, ông Đình xác định xe đã cho chị Ti, nên ông không có ý kiến đề nghị gì.

Tại bản cáo trạng số 59/ CT - VKS ngày 02/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố các bị cáo Đàm Thị Ng, Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, chỉ Ti đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo T và Ng. Đại diện Viện kiểm sát luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Đàm Thị Ng, Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Ng từ 15 đến 18 tháng tù, tổng hợp với hình phạt tại bản án số 62/2020/HS - ST ngày 13/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo T từ 09 đến 12 tháng tù. Về dân trách nhiệm dân sự, các bị cáo và người bị hại đã tự thỏa thuận bồi thường xong, nên Viện kiểm sát không có ý kiến đề nghị; Về án phí, buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Người bào chữa cho bị cáo Ng nhất trí với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng và các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo Ng, tuy nhiên đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 là “gây thiệt hại không lớn” và đề nghị xem xét đến hoàn cảnh thực tế hiện tại của bị cáo Ng, xử phạt bị cáo mức án phạt tù ở đầu khung hình phạt là 06 tháng; đề nghị miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn án phí cho bị cáo Ng lý do bị cáo là cá nhân thuộc hộ cận nghèo. Đại diện Viện kiểm sát tranh luận, xác định không có cơ sở áp dụng tình tiết giảm nhẹ là “gây thiệt hại không lớn”, giữ nguyên mức hình phạt đã đề nghị đối với bị cáo Ng. Các bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận. Các bị cáo đều nói lời sau cùng là xin được hưởng mức án ở mức thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Sông Công, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại giai đoạn điều tra và phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi, diễn biến nội dung sự việc đúng như nội dung kết luận điều tra và cáo trạng đã

truy tố. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại; biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác Cơ quan điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định: Do từ trước đã có sự bàn bạc, chuẩn bị công cụ. Khoảng 15 giờ 30 ngày 06/7/2020 tại khu vực xóm Chùa, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công, lợi dụng sơ hở của người quản lý tài sản, Đàm Thị Ng và Nguyễn Văn T đã lén lút thực hiện hành vi phá khóa điện, trộm cắp của chị Nguyễn Thị Ti chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, biển số 20L9-0804 trị giá 3.700.000 đồng, số tiền 5.000.000 đồng và một số thẻ nạp điện thoại loại Viettel có tổng giá trị 410.000 đồng (để trong cốp xe), sau đó bán xe mô tô, một số thẻ nạp điện thoại, tiêu sài hết. Tổng giá trị tài sản bị cáo Ng và T chiếm đoạt được của chị Ti là 9.110.000 đồng.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Đàm Thị Ng, Nguyễn Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Nội dung điều luật quy định:

“ 1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự an toàn công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương.

Về vai trò của từng bị cáo trong vụ án: Trong vụ án này, cả hai bị cáo đều là người thực hành, không ai là người cầm đầu, tổ chức. Trong đó bị cáo Ng là người khởi xướng, chuẩn bị công cụ và trực tiếp thực hiện hành vi lấy trộm xe mô tô, còn bị cáo T giữ vai trò là người cảnh giới cho bị cáo Ng, cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, sau đó cùng nhau đem tài sản đi tiêu thụ.

Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Về nhân thân: Các bị cáo đều sinh ra, lớn lên tại địa phương, xây dựng gia đình và làm lao động tự do, các bị cáo có đủ khả năng nhận thức, làm chủ được hành vi của mình, nhưng vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Ng đang có 01 tiền án về tội “Môi giới mại dâm” và tháng 8/2020, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Long Biên khởi tố về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo T hiện không có tiền án, tiền sự.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này, cả hai bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là “người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại” và “người phạm tội thành khẩn khai báo” quy định tại điểm b, s khoản 1 và tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Ng hiện đang có thai, được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ là “người phạm tội là phụ nữ có thai” quy định tại điểm n khoản 1; bị cáo T được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật

hình sự. Bị cáo Ng phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; bị cáo T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Căn cứ vào tính chất của vụ án, vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Mặc dù tính chất hành vi phạm tội các bị cáo lần này thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo thực hiện rất manh động, gây tâm lý hoang mang, bất an cho người dân, đặc biệt là tại nơi xảy ra tội phạm. Ngoài ra, đối với bị cáo Ng còn có nhân thân rất xấu, tháng 5/2020 đã bị kết án phạt tù giam về tội môi giới mại dâm, trong giai đoạn chờ đi thi hành án lại liên tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, phải xử lý trách nhiệm hình sự tại quận Long Biên và thành phố Sông Công. Nên cần thiết phải xét xử các bị cáo bằng án phạt tù, buộc cả hai bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian mới đủ điều kiện đảm bảo cho công tác đấu tranh phòng chống tội phạm trên địa bàn và phòng ngừa chung. Khi lượng hình, Hội đồng xét xử sẽ xem xét, cân nhắc đến vai trò, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo, để xét xử mức án phạt tù phù hợp.

Trong vụ án này, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Đối với anh Nguyễn Đức Hiền là người mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, biển số 20L9-0804 của các bị cáo Ng, T, nhưng khi mua xe, anh Hiền không biết đó là tài sản do các bị cáo trộm cắp được mà có, nên không có cơ sở xem xét xử lý trách nhiệm.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Trước khi mở phiên tòa, mẹ bị cáo T là bà V đã thỏa thuận bồi thường xong cho người bị hại là chị Ti số tiền 5.000.000 đồng; tại phiên tòa bị cáo Ng cũng đã thỏa thuận bồi thường xong cho chị Ti số tiền 1.000.000 đồng. Chị Ti không có yêu cầu đề nghị gì thêm. Các sự thỏa thuận này là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, cần được ghi nhận.

Về số tiền 2.000.000 đồng bị cáo Ng và T bán xe mô tô cho anh Hiền, anh Hiền không có yêu cầu được lấy lại. Không xem xét.

[4] Về vật chứng của vụ án: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, biển số: 20L9-0804, Cơ quan điều tra Công an thành phố Sông Công đã trả lại cho người bị hại là chị Nguyễn Thị Ti quản lý, sử dụng.

Công cụ bị cáo Ng sử dụng vào việc phạm tội là 01 đoạn sắt, 01 chiếc mỏ lết, sau khi phá khóa xe mô tô xong, bị cáo Ng khai đã vứt bỏ đi, đến nay Cơ quan điều tra không thu hồi được.

[5] Về án phí: Các bị cáo là người bị kết án, nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Tuy nhiên, đối với bị cáo Ng là cá nhân thuộc hộ cận nghèo, tại phiên tòa, người bào chữa xin được miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo. Căn cứ theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/ 2016/ NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử xét miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Ng.

[6] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo; người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 136, 299, 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật Phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/ 2016/ NQ – UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Đàm Thị Ng, Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

2.1. Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58; Điều 55, khoản 2 Điều 56; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Đàm Thị Ng 18 (*mười tám*) tháng tù.

Tổng hợp với hình phạt tại bản án số 62/ 2020/ HS – ST ngày 13/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội xử phạt bị cáo Đàm Thị Ng 36 tháng tù về tội “Môi giới mại dâm”, buộc bị cáo Ng phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 04 (*bốn*) năm 06 (*sáu*) tháng tù, được trừ đi thời gian đã tạm giữ từ ngày 29/12/2019 đến ngày 07/01/2020 theo bản án số 62/ 2020/ HS–ST ngày 13/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội là 09 ngày. Thời hạn phạt tù bị cáo Ng còn phải chấp hành là 04 (*bốn*) năm 05 (*năm*) tháng 21 (*hai mươi mốt*) ngày tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

2.2. Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 09 (*chín*) tù, thời hạn tù tính từ ngày 08/8/ 2020.

* Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo Đàm Thị Ng, Nguyễn Văn T.

3. Về việc áp dụng biện pháp ngăn chặn: Áp dụng Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Văn T 45 (*bốn mươi lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo cho việc thi hành án.

4. Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận sự thỏa thuận: Bị cáo Nguyễn Văn T và gia đình đã thỏa thuận bồi thường xong cho người bị hại Nguyễn Thị Ti số tiền 5.000.000 đồng; bị cáo Đàm Thị Ng đã thỏa thuận bồi thường xong cho người bị hại Nguyễn Thị Ti số tiền 1.000.000 đồng.

5. Về án phí: Buộc bị cáo T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Miễn án phí hình sự và dân sự sơ thẩm cho bị cáo Đàm Thị Ng.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bị cáo Đàm Thị Ng và Nguyễn Văn T; người bị hại Nguyễn Thị Ti và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hà Thị V. Vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Đức Hiền và Nguyễn Xuân Đình.

Báo cho các bị cáo Ng, T; người bị hại Ti; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan V biết, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hiền, Đình biết, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP. Sông Công;
- Công an TP. Sông Công;
- Các bị cáo, NBC; NBH; NLQ;
- UBND xã Tiên Hội, huyện Đại Từ;
phường Phúc Lợi, quận Long Biên
(kèm TB Kq XX)
- THA H.sự, D.sự ;
- Lưu: 3b

Dương Văn Phong